TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2018/HS-PT
Ngày: 11/7/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Trọng Danh.**

Các Thẩm phán: Ông **Võ Đình Thắng**.

Ông **Trần Minh Long**.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Hồ Quỳnh Trâm**- Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hiệp** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 72/2018/TLPT-HS ngày 17 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo Lê Văn T và đồng bọn do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2018/HS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2018của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Các bị cáo bị kháng nghị:

1.Lê Văn T, sinh ngày 27 tháng 6 năm 1999 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ 89, phường H, quận S, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Thanh M (sinh năm 1971) và bà Ngô Thị N (sinh năm 1974); Tiền án tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/7/2017. Có mặt.

2.Trần Hữu T1, sinh ngày 17 tháng 4 năm 1998, tại Đà Nẵng; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số 735 H, tổ 36, phường H, Quận S, thành phố Đà Nẵng; Nghề Nghiệp: Đầu bếp; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn D (sinh năm 1974) và bà : Nguyễn Thị N (sinh năm 1975); Tiền án, tiền sự: Không: bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/7/2017. Có mặt.

3. Trần Ngọc L (Đ), sinh ngày 25 tháng 4 năm 1984, tại Đà Nẵng; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ 50A, phường A, quận L, thành phố Đà Nẵng; Nghề

nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông; Trần Ngọc L (sinh năm 1954) và bà Trần Thị M (sinh năm 1954); Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Năm 2010, bị TANDTP Đà Nẵng tuyên phạt 4 năm 6 tháng tù về tội " Cố ý gây thương tích". Đã được xóa án tích. Có mặt

4.Trần Thị Hằng N (Tên gọi khác: N), sinh ngày 10 tháng 5 năm 1997, tại Đà Nẵng; Nơi ĐKHKTT: Tổ 6, phường Đ, Quận K, thành phố Đà Nẵng, trú tại: Thôn T, phường N, thị xã B, tỉnh Quảng Nam; Nghề Nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn P (sinh năm 1954) và bà Trần Thị T (sinh năm 1954); chồng : Nguyễn Đức R (sinh năm 1994) có 1 con sinh ngày 14/01/ 2016; Tiền án tiền sự: Không. Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5.Võ Văn D, sinh ngày 16 tháng 9 năm 1997, tại Đà Nẵng, Nơi ĐKHKTT và trú tại: Thôn N3, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: sinh viên trường Cao đẳng Phương Đông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh;; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ Văn D (sinh năm 1974) và bà Lê Thị Ngọc T (sinh năm 1974) Tiền án tiền sự : Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người bị hại liên quan đến kháng nghị: Anh Thái Công T, sinh năm 1996, trú tại Tổ 29 Q, S, Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do tình cờ biết được cách làm đoản để phá khóa xe mô tô nên Lê Văn T nảy sinh ý định làm đoản để đi trộm cắp xe máy bán lấy tiền tiêu xài. Để dễ dàng phạm tội, T rủ Trương Văn T, Trần Hữu T1, Huỳnh Bá T cùng nhau thực hiện nhiều vụ trộm cắp xe máy của người khác. Trần Ngọc L, Trần Thị Hằng N, Võ Văn D và Hồ Thăng H là những người tiêu thụ tài sản do T cùng đồng bọn trộm cắp được cụ thể như sau:

- Vụ 1: Khoảng 18 giờ ngày 24/10/2016, T điều khiển xe mô tô Sirius, biển kiểm soát 43H1 -171.03 chở T đến đường T thuộc phường H , S, Đà Nẵng thì phát hiện chiếc xe Liberty màu xanh, biển kiểm soát 92F1 -254.12 trị giá **49.950.000 đồng** của anh Kiều Văn L dựng trước nhà đang xây dựng tại tổ 65B phường H, S, Đà Nẵng, T đứng ngoài cảnh giới để T dùng đoản phá khóa lấy trộm xe. Do không khởi động được xe nên T và T đẩy xe Lyberty đến bãi đất trống gần cầu Đthuộc phường Q, S, Đà Nẵng rồi mở cốp xe thì phát hiện bên trong có 30.000.000 đồng

của anh L nên lấy chia nhau tiêu xài. Sau đó, cả hai bỏ xe Lyberty lại khu vực này rồi đi về.

Chiếc xe trên, Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho anh Kiều Văn L. Anh L nhận lại xe mô tô trên và yêu cầu bồi thường số tiền 30.000.000 đồng bị T và T chiếm đoạt, T, T chưa bồi thường.

Vụ 2: Tối ngày 24/12/2016 Tđiều khiển xe mô tô Sirius, biển kiểm soát 43H1- 171.03 chở T đến trước nhà 08 A 11, S, Đà Nẵng thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đen bạc , biển kiểm soát 92F7- 3653trị giá **3.600.000 đồng** của anh Nguyễn Văn K đang để ở ngoài dãy nhà trọ , T đứng ngoài cảnh giới để T dùng đoản phá khóa, lấy trộm xe. Sau đó, T và Thọ đem bán chiếc xe này lấy 1.500.000 và cùng nhau tiêu xài hết.

Chiếc xe trên, cơ quan điều tra chưa thu hồi được. Anh Nguyễn Văn k yêu cầu được bồi thường số tiền 3.600.000 đồng. T, T chưa bồi thường.

Vụ 3: Khoảng 19 giờ ngày 01/01/2017, T điều khiển xe mô tô Sirius, biển kiểm soát 43H1- 171.03 chở T đến trước số nhà 20 Sơn Thủy 11, thuộc phường H, quận S, Đà Nẵng thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu xám biển số 43S5- 1236 trị giá **5.200.000 đồng** của chị Lê Thị T đang để trước nhà, T đứng ngoài cảnh giới để T dùng đoản phá khóa, lấy trộm xe. Sau đó, T và Thọ đém bán lấy 1.500.000 đồng và cùng nhau tiêu xài hết.

Chiếc xe trên, cơ quan điều tra chưa thu hồi được. Chị Lê Thị T yêu cầu được bồi thường số tiền 5.200.000 đồng, T, T chưa bồi thường.

Vụ 4: Khoảng 20 giờ ngày 04/02/2017, T điều khiển xe môt ô Sirius, biển kiểm soát 92E1- 237.23 chở T đến đường H, thuộc phường H, quận S, Đà Nẵng thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter , màu xanh trắng, biển kiểm soát 43H1-120.80, trị giá **25.900.000 đồng** của anh Phạm Ngọc T đang dựng trước nhà của người chú , T đứng ngoài cảnh giới để T dùng đoản phá khóa, lấy trộm xe.

Chiếc xe này T đưa cho T sử dụng được một thời gian, sau đó T tháo biển kiểm soát 43H1-120.80 và bán cho một người tên là L (chưa rõ lai lịch) được 5.000.000đ. Số tiền này Tvà T tiêu Xài chung hết.

Ngày 25/7/2017, anh Nguyễn Ngọc P (sinh năm 1974; HKTT: G, K, Đà Nẵng) là phụ xe khách tuyến Đà Nẵng – ĐăkLăk đến Cơ quan điều tra giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu đen, không gắn biển số , số khung: 5P10EY457277, Số máy : 55P1457295 của một người thanh niên (không rõ lai lịch) nhờ anh P giao nộp cho Công an quận Cẩm Lệ.

Chiếc xe này, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Phạm Ngọc T. Anh T nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Vụ 5: Khoảng 23 giờ, ngày 09/4/2017, T1 điều khiển xe mô tô Wave mà xanh 43K4- 8843 chở T đến kiệt 712 H thuộc phường H, S, Đà Nẵng phát hiện

chiếc xe mô tô hiệu Sirius, màu đỏ, biển kiểm soát 92M1- 092.34 trị giá 3.000.000đ của anh Phan Vũ Q đang để xe cách nhà khoản 30m, T đứng ngoài cảnh giới để T1 dùng đoản phá khóa, lấy trộm xe.

Do trước đó được Trần Ngọc L hứa hẹn sẽ mua xe T trộm cắp mà có nên sau khi trộm cắp được chiếc xe này, T đem bán lại cho L với giá 1.500.000đ. Số tiền bán xe, T và T1 tiêu xài chung hết. Sau đó, chiếc xe này L đem bán lại cho người khác lấy 2.800.000đ.

Chiếc xe trên, Cơ quan điều tra chưa thu hồi được. Anh Phan Vũ Q yêu cầu được bồi thường số tiền 3.000.000 (Ba triệu đồng). T1, T, L chưa bồi thường.

Vụ 6: Khoảng 14 giờ ngày 14/4/2017, T1 điều khiển xe mô tô xe Wave, biển kiểm soát 43K4- 8843, chở T đến kiệt 62 T thuộc phường A, S, Đà Nẵng thì phát hiện chiếc xe mô tô hiệu Sirius, màu đỏ- đen, biển kiểm soát 92F1180.85 trị giá **12.670.000đ** của chị Phạm Thị L đang để xe trước dãy trọ K62 T , T1 đứng ngoài cảnh giới để T dùng đoản phá khóa, lấy trộm xe rồi đem đến đường M thuộc phường A, L, Đà Nẵng bán cho L với giá 2.000.000. Số tiền này T1 và T tiêu xài chung hết.

Sau khi mua chiếc xe mô tô trên, L để ở phòng trọ , đến khi mua được chiếc xe Sirius màu trắng đen biển kiểm soát 43H1- 166.35 (Đã được T sửa thành 43H1- 166.85 trong vụ 8) thì L tháo biển số 43H1- 166.85 lắp vào xe Sirius mày đỏ đen này. Trước đó, Trần Thị Hằng N do không có phương tiện đi lại và không đủ tiền mua xe mới, nên N có đi đến các tiệm sửa xe máy trên địa bàn quận K để hỏi xem ở đó có bán xe máy không và N để lại số điện thoại của mình lại tiệm sửa xe. Thông qua 01 tiệm sửa xe, L có số điện thoại của N. L liên lạc và bán lại chiếc xe này cho N với giá 2.900.000 để làm phương tiện đi lại. Đồng thời N dặn L khi ai có nhu cầu mua xe cũ , không giấy tờ thì N sẽ liên lạc cho L để đặt mua xe của L.

Cơ quan CSĐT Công an quận Cẩm Lệ đã thu hồi và trả xe mô tô cho chị Phạm Thị L. Chị L nhận xe và không có yêu cầu gì thêm.

Vụ 7: Khoảng 12 giờ ngày 12/4/2017, T1 điều khiển xe mô tô Wave biển kiểm soát 43K4- 8843 chở T đến đường M, phường H, S, Đà Nẵng thì phát hiện chiếc xe mô tô Sirius màu trắng xanh, biển kiểm soát 92D1- 253.35 trị giá **10.320.000đ** của Phan Chế Tấn Đ đang để trước chỗ làm khu làng nghề đá, T1 đứng ngoài cảnh giới để T dùng đoản phá khóa lấy trộm xe đem về thay biển kiểm soát 43H1- 124.69 mà T nhắt được rồi đem lên khu vực bến xe Đà Nẵng bán cho L được 2.500.000đ. L bán lại cho N lấy 3.000.000đ.

Trước đó Võ Văn D có đến nhà N chơi, N thấy D không có phương tiện đi lại nên hỏi D có mua xe Sirius cũ không thì D bảo chưa có tiền. Sau khi mua được chiếc xe Sirius màu trắng xanh từ L thì N liên hệ với D hỏi có nhu cầu mua xe Sirius không có giấy tờ không thì D đồng ý mua. N bán chiếc xe này lại cho D với

giá 3.300.000đ. D sử dụng chiếc xe này một thời gian thì bán lại cho Hồ Thăng H với giá 5.400.000đ. Khi mua chiếc xe này, D và H biết rõ đây là tài sản do trộm cắp mà có.

Chiếc xe này, Cơ quan điều tra đa thu hồi và trao trả cho ông Phan Tấn T (Cha ruột của Phan Chế Tấn Đ) là chủ sở hữu hợp pháp. Ông T nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Vụ 8: Khoảng 20 giờ ngày 15/4/2017, T1 điều khiển xe mô tô Wave, biển kiểm soát 43K4- 8843 chở T đến trước cơ sở massage N trên đường S thuộc phường H, S, Đà Nẵng thì phát hiện chiếc xe mô tô Sirius , màu đen – trắng, biển số 43H1-166.35 trị giá **17.360.000 đồng** của chị Nguyễn Kim Q đang để tại nơi làm việc, T1 đứng ngoài cảnh giới để T dùng đoản phá khóa, lấy trộm xe. Sau khi trộm cắp được chiếc xe này cả hai tháo biển số xe và lấy biển kiểm soát 92D1-253.35 (Trộm cắp được của anh Phan Chế Tấn Đ trong vụ 7) lắp vào rồi bán cho L được 2.000.000đ. Số tiền này T1 và T tiêu xài chung hết. Còn biển số 43H1-166.35, T dùng sơn đen sửa lại thành số 43H1- 166.85 đem lắp vào xe Sirius màu đỏ đen đã trộm cắp được của chị Phạm Thị L (ở vụ 6).

Sau đó, L đem xe mô tô trên bán lại cho N lấy 3.000.000đ, N liên lạc và bán lại cho D với giá 3.500.000đ. D dùng sơn sửa biển kiểm soát 92D1- 253.35 thành biển kiểm soát 92D1- 258.85 rồi dùng làm phương tiện đi lại một thời gian thì bị phát hiện và thu giữ.

Cơ quan điều tra trao trả chiếc xe trên cho chị Nguyễn Thị Kim Q. Chị Quý nhận xe và không yêu cầu gì thêm.

Vụ 9: Khoảng 20 giờ ngày 19/4/2017, T1 điều khiển xe mô tô Wave biển kiểm soát 43K4- 8843 chở T đến đường G, thuộc phường A, S, Đà Nẵng thì phát hiện chiếc xe mô tô Sirius, màu đỏ -đen, biển kiểm soát 43H1- 115.90 trị giá **12.670.000 đồng** của anh Thái Công T đang để xe ở lề đường ngoài biển, T1 đứng ngoài cảnh giới để T dùng đoản phá khóa lấy trộm xe. Sau khi trộm cắp được xe, cả hai tháo biển số xe 43H1- 115.90 ra cất rồi lắp biển số khác vào (không rõ biển số nào), sau đó đem bán cho L được 2.000.000 (hai triệu đồng). Số tiền này T1 và T tiêu xài chung hết.

Sau đó L bán lại cho N lấy 3.000.000đ, N liên lạc và bán lại cho D lấy 3.500.000đ, D sử dụng một thời gian thì bán lại cho người khác qua mạng xã hội (chưa rõ nhân thân lai lịch) với giá 3.800.000đ.

Chiếc xe này, Cơ quan điều tra chưa thu hồi được. Anh Thái Công T yêu cầu bồi thường số tiền là **12.670.000 đồng**. Hiện tại T, T1, L, N chưa bồi thường.

Vụ 10: Khoảng 02 giờ ngày 20/4/2017, T1 điều khiển xe mô tô Wave biển kiểm soát 43K4- 8843 chở T đến trước số nhà 388/8 T, thuộc phường B, C, Đà Nẵng thì phát hiện chiếc xe môt tô hiệu Luvias, màu trắng- đỏ, biển số 43C1-

237.94, trị giá **8.250.000 đồng** của chị Lê Thị T đang để trước nhà, T1 đứng ngoài cảnh giới để T dùng đoản phá khóa lấy trộm xe rồi đem bán cho L được 2.000.000đ. Số tiền này T1 và T tiêu xài chung hết. Sau khi mua xe, L sử dụng được một thời gian thì bị mất tại khu vực đường T, Đà Nẵng.

Chiếc xe trên, Cơ quan điều tra chưa thu hồi được. Chị Lê Thị T yêu cầu bồi thường số tiền là 8.250.000 đồng. Hiện tại T, T1, L chưa bồi thường.

Vụ 11: Khoảng 21 giờ ngày 22/4/2017, T1 điều khiển xe mô tô Wave biển số 43K4- 8843 chở T đến khu dân cư thuộc dự án Nam Việt Á thuộc phường M, quận S, TP Đà Nẵng thì phát hiện chiếc xe mô tô hiệu Exciter , màu đen- xám, biển kiểm soát 81K8- 7521 trị giá **14.400.000 đồng** của anh Bùi Minh K đang để xe trước lớp học Tiếng Anh, T1 đứng ngoài cảnh giới để T dùng đoản phá khóa lấy trộm xe.

Do trước đó, T có nói với T kiếm được xe hiệu Exciter thì đưa cho T nên khi trộm được chiếc xe trên, T đưa cho T sử dụng một thời gian. Sau đó, T bán lại cho Đặng Hùng T được 5.500.000đ. Số tiền này T1, T và Toàn tiêu xài chung hết. Khi mua xe, anh T không biết đây là xe trộm cắp.

Chiếc xe trên, Cơ quan điều tra đã thu hồi và trao trả cho anh Bùi Thanh T là cha của Bùi Minh K, chủ sở hữu chiếc xe. Anh T nhận xe và không yêu cầu gì thêm về mặt dân Sự.

Vụ 12: Khoảng 24 giờ ngày 26/4/2017, T1 điều khiển xe mô tô Wave, biển kiểm soát 43K4- 8843 chở T đến đường T 4, M, S, Đà Nẵng thì phát hiện chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu xanh, biển số 92E1- 314.83 trị giá 17.600.000đồng của anh Phạm Quốc V đang để xe trước mặt ngôi nhà đang xây dựng, của Ông Trần Văn Q, T đứng ngoài cảnh giới còn T1 dùng đoản phá khóa lấy trộm xe. Sau khi lấy trộm xe, T1 phát hiện trong cốp xe có ví tiền nên T1 lục ví lấy 1.800.000, T1 chia cho T 900.000đ, T1 giữ lại 900.000đ sau đó vứt chiếc ví. T nhặt lại chiếc ví đem về sử dụng thì phát hiện trong ví còn có số tiền 10.000.000đ, T lấy sử dụng cá nhân hết. Chiếc xe mô tô Sirius biển số 92E1- 314.83 T1 lên mạng bán cho một thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) được 2.500.000đ. Số tiền này T1 và T chia đôi tiêu xài cá nhân hết.

Chiếc xe trên, Cơ quan điều tra chưa thu hồi được. Anh Phạm Quốc V yêu cầu bồi thường giá trị xe số tiền 17.600.000đ và số tiền để trong cốp xe là 28.000.000 đồng. Đối với cái ví da đã cũ anh V không yêu cầu định giá cũng như bồi thường chiếc ví này. Hiện tại T, T1 chưa bồi thường.

Vụ 13: Khoảng 12 giờ ngày 19/6/2017, Toàn điều khiển xe mô tô Sirius biển kiểm soát 92E1- 273.23 chở T đến trước số nhà 117 V, A, S, TP Đà Nẵng thì phát hiện chiếc mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 43M1- 356.64 trị giá **12.670.000 đồng** của anh Nguyễn Ngọc Thanh V đang dựng trước sân, T đứng

cảnh giới để T dùng đoản phá khóa lấy trộm xe. Sau khi trộm được xe , T và T tháo biển số của xe trên rồi lấy biển số 43H1- 120.80 (trộm được trong vụ án thứ 4) lắp vào xe mới trộm được. Sau đó, Tvà T sử dụng chiếc xe này đi trộm cắp các lần tiếp theo.

Chiếc xe trên, Cơ quan điều tra đã thu hồi và trao trả chiếc xe cho anh Nguyễn Ngọc Thanh V. Anh V không yêu cầu gì thêm.

Vụ 14: Trưa ngày 09/7/2017, T điều khiển xe Sirius, biển kiểm soát 43H1-120.80 chở T đến khu vực kí túc xá trường Cao đẳng Công nghệ thông tin Việt Hàn, thuộc phường Q, S, Đà Nẵng thì phát hiện chiếc xe mô tô Sirius, màu đen trắng biển số 74D1- 196.58, trị giá **10.320.000 đồng** của anh Nguyễn Văn P dựng sau lưng ký túc xá, T đứng ngoài cảnh giới để T dùng đoản phá khóa lấy trộm xe rồi đem bán cho L lấy 2.000.000đ.

Sau khi mua xe L tháo biển số xe 74D1- 196.58 rồi đem bán cho N với giá 3.350.000đ. N sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi lại cho đến ngày bị phát hiện.

Cơ quan điều tra đã thu hồi và trao trả chiếc xe trên cho anh Nguyễn Văn P. Anh P nhận xe và không yêu cầu gì thêm về mặt dân sự.

Vụ 15: Trưa ngày 15/7/2017 , T đi bộ đến khu vực trước chùa S thuộc phường H, quận. TP Đà Nẵng thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu AirBlade, màu đen, biển kiểm soát 92D1- 28216 trị giá **26.530.000 đồng** của chị Trần Thị Thu L đang để xe trước khuôn viên chùa , T dùng đoản phá khóa lấy trộm xe. T thấy trong cốp xe có chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng, trị giá **960.000đ** nên T đem đến một tiệm điện thoại (không rõ địa chỉ) bán lấy 1.000.000 đồng và tiêu xài hết, chiếc điện thoại hiện chưa thu hồi được.

Do trước đó, T có nhờ T kiếm cho Toàn chiếc xeAirBlade nên sau khi trộm chiếc xe trên, T đưa cho T xe và giấy tờ trong cốp xe, T bán cho anh Trương Văn B với giá 17.000.000 đồng. Anh B đưa trước cho T 3.000.000đ và hẹn đến ngày 20/7/2017 thì anh B đưa đủ tiền cho T. Số tiền bán xe T đưa cho T, T cho lại T 500.000đ, số còn lại T tiêu xài hết cho cá nhân.

Sau khi mua xe mô tô trên, anh B để nguyên BKS xe và sử dụng làm phương tiện đi lại. Khi biết nguồn gốc chiếc xe trên là do các đối tượng trộm cắp mà có anh B đã giao nộp chiếc xe này cho cơ quan điều tra.

Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho chi L chiếc xe trên. Chị L nhận xe và yêu cầu bồi thường chiếc điện thoại với số tiền là 960.000 đồng. Hiện tại T chưa bồi thường cho chị L.

Về số tiền 3.000.000 đồng mà anh B bỏ ra để mua chiếc xe AirBlade, biển số 92D1- 282.16 từ T, anh B không yêu cầu T và T bồi thường.

Vụ 16: Vào lúc 17h30 ngày 16/7/2017, T điều khiển xe mô tô hiệu Sirius biển số 43H1- 120.80 chở T đến trước sô nhà 81 T thuộc phường T, quận L, TP Đà Nẵng thì phát hiện chiếc xe Exciter, màu xanh trắng, biển số 92L1- 161.98, trị giá **30.292.500 đồng** của anh Nguyễn Đình T đang để trước nhà, T đứng ngoài cảnh giới để T dùng đoản phá khóa lấy trộm xe rồi đem đến gửi ở bãi giữ xe Bệnh viện N Đà Nẵng thuộc phường M, quận S, TP Đà Nẵng. Đến 01h45 ngày 17/7/2017, T điều khiển xe máy hiệu Atila gắn biển số 79S1- 4834 chở bạn gái là Nguyễn Thị Diễm T đến trước cổng Bệnh viện N Đà Nẵng và nói T đứng ngoài chờ , còn mình đi vào lấy xe máy Exciter. Khi T đang dắt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu xanh trắng, biển số 92E1- 161.98 thì bị lực lượng Công an phát hiện và bắt giữ.

Chiếc xe mô tô hiệu Exciter, gắn biển số 92L1- 161.98, Cơ quan điều tra đã trao trả cho anh Nguyễn Đình T. Anh T nhận xe và không có yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự.

Với nội dung như trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2018/HSST ngày 08/3/2018 Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo: **Lê Văn T, Trần Hưu T1, Trương Văn T, Huỳnh Bá T, Trần Ngọc L và Trần Thị Hằng N** phạm tội: "Trộm cắp tài sản " và các bị cáo **Võ Văn D** và **Hồ Thăng H** phạm tội**:** "Tiêu thu tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 138, điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74, Điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn T** 05(Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/7/2017.

- Áp dụng: Điểm a, e khoản 2 Điều 138; Điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Bị cáo **Trần Hữu T1** 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 19/7/2017.

-Áp dụng: Điểm a,e Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt:Bị cáo **Trương Văn T** 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/7/2017.

-Áp dụng: Điểm a,e khoản 2 Điều 138; Điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Bá T** 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/7/2017.

-Áp dụng: Điểm a, e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009;

Xử phạt: Bị cáo **Trần Ngọc L** 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 19/7/2017.

-Áp dụng: Điểm a, e khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009;

Xử phạt: bị cáo **Trần Thị Hằng N** 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

-Áp dụng: khoản 1 Điều 250; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009;

Xử phạt: Bị cáo **Võ Văn D** 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về UBND xã Hòa Liên,, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

-Áp dụng: Khoản 1 Điều 250; Điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 73 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009;

Xử phạt: Bị cáo **Hồ Thăng H** 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử lí vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

-Tịch thu tiêu hủy: Bộ đoản, túi xách bằng da màu đà có dây đeo, cuộn băng keo đen, phiếu giữ xe số 4378, biển số 43H1- 214.69, biển số 92D1- 253.35, biển số 43H1-115.90.

-Tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án chiếc điện thoại hiệu Lenovo của Trương Văn T.

-Tiếp tục tạm giữ đối với số tiền 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm ngàn đồng) và 3.000.000đ mà D giao nộp, Số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) L nộp, Số tiền 2.000.000đ mà ông Trần Văn D (Cha của T1) nộp để khắc phục một phần hậu quả, để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho những người bị hại, cụ thể:

-Lê Văn T và Huỳnh Bá T liên đới bồi thường số tiền 30.000.000 đồng cho anh Kiều Văn L, mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường 15.000.000 đồng (Mười lắm triệu đồng).

-Lê Văn T và Huỳnh Bá T liên đới bồi thường số tiền 3.600.000 đồng cho anh Nguyễn Văn K, mỗi bị cáo có nghĩa vụ phải bồi thường số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm ngàn đông).

-Lê Văn T và Huỳnh Bá T liên đới bồi thường số tiền 5.200.000 đồng cho chị Lê Thị T, mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường số tiền 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm ngàn đồng).

-T, T1, L, N và D liên đới bồi thường số tiền 12.670.000 đồng cho anh Thái Công T, mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường số tiền 2.534.000 đồng (Hai triệu năm trăm ba mươi tư ngàn đồng).

-T, T1, L liên đới bồi thường số tiền 8.250.000 đồng cho chị Lê Thị T, mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường số tiền 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

-T, T1 liên đới bồi thường số tiền 29.400.000 đồng cho anh Phạm Quốc V, mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường số tiền 14.700.000 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm ngàn đồng).

-T có nghĩa vụ bồi thường số tiền 960.000 đồng (Chín trăm sáu mươi ngàn đồng) cho chị Trần Thị Thu L.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người thi hành án không thược hiện nghĩa vụ bồi thường thì hàng tháng người bị thi hành án phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

(Hiện tạm giữ tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/02/2018 tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, tp Đà Nẵng; giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 02/02/2018 tại Kho bạc nhà nước Cẩm Lệ và biên lai thu tiền số 4400 ngày 02/02/2018 của Chi cục Thi hành án quận Cẩm Lệ).

Trong hạn luật định;

- Ngày 06/04/2018 Viện kiểm sát nhân dân tp Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKSĐN ngày 06/4/2018 với nội dung: Để nghị TAND TP ĐN:

+ Không áp dụng Điều 60 BLHS 1999 để chuyển hình phạt tù cho hưởng án treo sang hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Võ Văn D.

+ Không buộc bị cáo Võ văn D phải liên đới bồi thường cho anh Thái Công T với số tiền 2.534.000 đồng. Đồng thời không buộc bị cáo D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng.

+ Buộc 4 bị cáo Lê Văn T, Trần Hữu T1, Trần Ngọc L, Trần Thị Hằng N phải liên đới bồi thường cho anh Thái Công T số tiền 12.670.000 đồng, đồng thời phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng.

+ Tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 2.400.000 đồng thu lợi bất chính của bị cáo Võ Văn D do phạm tội mà có.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng rút một phần kháng nghị: Không áp dụng Điều 60 BLHS 1999 để chuyển hình phạt tù

cho hưởng án treo sang hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Võ Văn D. Đối với những vấn đề kháng nghị còn lại Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Để có tiền tiêu xài cá nhân, Lê Văn T dã chuẩn bị một bộ đoản rồi nhiều lần rủ Trần Hữu T1, Trương Văn T, Huỳnh Bá T cùng đi trộm cắp xe mô tô. Từ ngày 24.10.2016 đến ngày 06.7.2017 T T1, T, T đã thực hiện 16 vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn thành phố Đà nẵng với tổng giá trị tài ản chiếm đoạt là 303.492.000.

Trần Ngọc L, Trần Thị hằng N mặc dù không trực tiếp đi trộm cắp tài sản nhưng đã giúp sứ cho T cùng đồng bọn bằng việc hứa hẹn và trực tiếp tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Cụ thể:

Trần Ngọc L tiêu thụ 07 chiếc xe với tổng giá trị là 74.590.000 đồng

Trần Thị Hằng N tiêu thụ 5 chiếc xe với tổng giá trị là 63.340.000 đồng.

Võ Văn D mặc dù biết rõ những chiếc xe Trần Thị Hằng N bán cho mình là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn tiêu thụ 03 chiếc với tổng giá trị 40.350.000 đồng. D giữ lại 01 chiếc xe để sử dụng, bán 01 xe cho người khác, thay đổi màu sơn, thay biển kiểm soát rồi bán lại 01 xe cho người khác thông qua việc rao bán trên mạng xã hội. Tổng số tiền D thu lợi bất chính là 2.400.000 đồng. Số tiền này D đã giao nộp cho cơ quan chức năng đồng thời nộp thêm 3.000.000 đồng.

Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Trần Hữu T1, Trương Văn T, Huỳnh Bá T, Trần Ngọc L, Trần Thị Hằng N phạm tội trộm cắp tài sản và Võ Văn D, Hồ Thăng H phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" Áp dụng:

Khoản 1 Điều 250 điểm b, p khoản 1,2 Điều 46, điểm g khoản 1 điều 48, điều 60 BLHS 1999 xử phạt Võ Văn D 15 tháng thù nhưng cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS 2015 tiếp tục tạm giữ 2.400.000 đồng và 3.000.000 đồng mà D giao nộp để khắc phục hậu quả, đảm bảo thi hành án.

Về trach nhiệm dân sự Áp dụng Điều 584, 589 BLDS buộc T, T1, L,N, D liên đới bồi thường số tiền 12.670.000 đồng cho anh Thái Công T mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường 2.534.000 đồng.

Về án phí buộc D nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Ngòai ra các bị cáo khác nộp án phí dân sự với số tiền khác nhau.

[2] Xét kháng nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:

+ Về nội dung: Không áp dụng Điều 60 BLHS 1999 để chuyển hình phạt tù cho hưởng án treo sang hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Võ Văn D. Tuy nhiên tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát rút kháng nghị phần này nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần kháng nghị của Đại diện Viện kiểm sát. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần hình phạt của bị cáo Võ Văn D. Bản án hình sự sơ thẩm số 14/HSST ngày 08/3/2018 về phần hình phạt đối với bị cáo D có hiệu lực thi hành.

+ Đối với nội dung: Không buộc bị cáo Võ văn D phải liên đới bồi thường cho anh Thái Công T với số tiền 2.534.000 đồng. Đồng thời không buộc bị cáo D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Võ Văn D bị truy tố và xét xử về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" chứ không phải bị truy tố xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" với vai trò đồng phạm cùng với Lê Văn T, Trần Hữu T1, Trần Ngọc L và Trần Thị Hằng N trong vụ trộm cắp xe mô tô của anh Thái Công T. Do vậy, bị cáo D không phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh T trong trường hợp này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo T, T1, L, N và người bị hại là anh Thái Công T thống nhất với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng. Các bị cáo T, T1, L, N đồng ý chịu trách nhiệm bồi thường cho anh T, không buộc bị cáo D bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của VKSND TPĐN về nội dung này.Buộc các bị cáo T, T1, L, N liên đới bồi thường cho anh T 12.670.000 đồng, chia phần mỗi bị cáo bồi thường 3.167.000 đồng.

+ Đối với nội dung: Tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 2.400.000 đồng thu lợi bất chính của bị cáo Võ Văn D do phạm tội mà có. Hội đồng xét xử thấy việc bị cáo D mua đi bán lại 02 chiếc xe trộm cắp thu lợi bất chính 2.400.000 đồng nên cần tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước như kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Do chấp nhận kháng nghị của VKS nên bị cáo Võ Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; các bị cáo Lê Văn T, Trần Hữu T1, Trần Ngọc L, Trần Thị Hằng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của BLTTHS năm 2015: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị về phần hình phạt của bị cáo Võ Văn D; Bản án hình sự sơ thẩm số 14/HSST ngày 08/3/2018 của Tòa án nhân dân

quận Cẩm Lệ về phần hình phạt đối với bị cáo D có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Chấp nhận phần kháng nghị của Đại diện Viện kiểm sát về mức bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng và án phí của bản án hình sự sơ thẩm 14/2018/HSST 8/3/2018 của TAND quận Cẩm Lệ, sửa bản án sơ thẩm.

2/ Căn cứ Điều 48 BLHS 2015, Điều 584, Điều 589 BLDS. Tuyên buộc các bị cáo Lê Văn T, Trần Hữu T1, Trần Ngọc L, Trần Thị Hằng N liên đới chịu trách nhiệm bồi thường cho anh Thái Công T 12.670.000 đồng. Mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường 3.167.500 đồng.

Căn cứ Điều 106 BLTTHS 2015 Tuyên buộc bị cáo Võ Văn D truy nộp 2.400.000 đồng thu lợi bất chính để sung công quỹ. Trả lại cho Võ Văn D 3.000.000 đồng nộp lại biên lai thu số 4400 ngày 02/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Tuyên tiếp tục quy trữ của bị cáo D 5.400.000 đồng để đảm bảo việc thi hành án (theo giấy nộp tiền vào tài khoản số 14 ngày 02/02/2018 và biên lai nộp tiền số 4400 ngày 02/02/2018 của chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị cáo T phải chịu 2.048.000 đồng án phí DSST

Bị cáo L phải chịu 300.000 đồng án phí DSST

Bị cáo T1 phải chịu 1.031.000 đồng án phí DSST

Bị cáo N phải chịu 300.000 đồng án phí DSST

Bị cáo D không phải chịu án phí DSST

4/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Vụ giám đốc kiểm tra 1;
- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- Công an Q. Cẩm lệ;
- PV27; PC81 công an thành phố;
- TAND Q. Cẩm Lệ;
- THADS Q. Cẩm Lệ;
- Sở tư pháp TPĐN;
- TB kết quả xét xử;
- Bị cáo;
- Lưu: HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Trọng Danh